

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thừa hành viên; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thừa phát lại và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực thừa hành viên thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-BTP ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực thừa hành viên thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 126/TTr-STP ngày 18 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 08 thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực thừa hành viên, danh mục 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thừa phát lại và phê duyệt 08 quy trình nội bộ, quy trình

điện tử giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực thừa hành viên thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (*Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho Sở Tư pháp, UBND các xã, phường thực hiện các công việc sau:

1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Hoàn thành việc cấu hình TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành (*Phụ lục III đính kèm*).

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết các TTHC liên quan theo hướng dẫn được UBND thành phố và Bộ Tư pháp công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

1. Thay thế Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thừa phát lại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp thành phố Huế.

2. Thay thế các TTHC số 122, 125, 129, 130, 133, 134, 135, 136 danh mục kèm theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố danh mục thủ tục hành chính thực thi phương án đơn giản hoá về cắt giảm 50% thời gian giải quyết và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong lĩnh vực Tư pháp thực hiện tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

3. Bãi bỏ 09 TTHC tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TT PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Mạnh

Phụ lục I
DANH MỤC TTHC TRONG LĨNH VỰC THỪA HÀNH VIÊN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

TT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết	Lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên (1.008921) ¹	- Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên của Sở Tư pháp.	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 5 Điều 5); - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 4); - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan thực hiện: UBND thành phố, Sở Tư pháp.	- Tên TTHC; - Thời hạn giải quyết (được cắt giảm 50%); - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.

¹ Đã cắt giảm thời gian thực hiện 20 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc (TTHC số 133 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

2	Bổ nhiệm Thừa hành viên (1.008922) ²	- Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp.	Phí: 800.000 đồng/hồ sơ.	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 8); - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu số TP-THV-07 Phụ lục II); - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa hành viên (Điều 2, Điều 4); - Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa hành viên; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan thực hiện: UBND thành phố, Sở Tư pháp.	- Tên TTHC; - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý.
---	---	--	-----------------------------------	--	---	---	--

² TTHC số 134 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế

					Văn phòng Thừa hành viên; - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp.		
3	Miễn nhiệm Thừa hành viên (1.008923)³	- Trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân: + Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. + Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. - Trường hợp bị miễn nhiệm: + Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 11); - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-08 Phụ lục II); - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan thực hiện: UBND thành phố, Sở Tư pháp.	- Tên TTHC; - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.

³ TTHC số 135 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế

		<i>định số 151/2026/NĐ-CP.</i> <i>+ Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</i>			ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).		
4	<i>Bổ nhiệm lại Thừa hành viên (1.008924)⁴</i>	<i>- Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</i> <i>- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp.</i> <i>- Thời gian xác minh không quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu xác minh; và không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm lại Thừa hành viên.</i>	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	<i>- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 12);</i> <i>- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu số TP-THV-09 Phụ lục II);</i> <i>- Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động</i>	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan thực hiện: UBND thành phố, Sở Tư pháp.	<i>- Tên TTHC;</i> <i>- Thời hạn giải quyết;</i> <i>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</i> <i>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</i> <i>- Căn cứ pháp lý.</i>

⁴ TTHC số 136 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế

					Văn phòng Thừa hành viên” (khoản 1, khoản 2 Điều 1); - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).		
5	<i>Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên</i> (1.008925) ⁵	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- <i>Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 6);</i> - <i>Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-02 Phụ lục II);</i> - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	Sở Tư pháp	- <i>Tên TTHC;</i> - <i>Thời hạn giải quyết (được cắt giảm 50%);</i> - <i>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</i> - <i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</i> - <i>Căn cứ pháp lý.</i>

⁵ Đã cắt giảm thời gian thực hiện 03 ngày làm việc thành 1,5 ngày làm việc (TTHC số 125 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

					ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp.		
6	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên (1.008926) ⁶	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự.	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 2 Điều 6); - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 11; Mẫu TP-THV-03 Phụ lục II); - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).	Sở Tư pháp	- Tên TTHC; - Thời hạn giải quyết (được cắt giảm 50%); - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.
7	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi	Sở Tư pháp	- Tên TTHC; - Thời hạn

⁶ Đã cắt giảm thời gian thực hiện 02 ngày làm việc thành 01 ngày làm việc (TTHC số 122 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

	Thừa hành viên (1.008927) ⁷			dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 1, 2 và 3 Điều 13); - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-10 Phụ lục II); - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).		giải quyết (được cắt giảm 50%); - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
8	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên (1.008928) ⁸	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã; nộp	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 4 Điều 13); - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của	Sở Tư pháp	- Tên TTHC; - Thời hạn giải quyết (được cắt giảm 50%); - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;

⁷ Đã cắt giảm thời gian thực hiện 05 ngày làm việc thành 2,5 ngày làm việc (TTHC số 129 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

⁸ Đã cắt giảm thời gian thực hiện 03 ngày làm việc thành 1,5 ngày làm việc (TTHC số 130 tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

				trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	<i>Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-11 Phụ lục II);</i> - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).		- Căn cứ pháp lý.
--	--	--	--	---	---	--	-------------------

*** Ghi chú:**

- TTHC tại danh mục trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.
- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Tư pháp công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>).

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
1.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại (1.008929)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp (Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Huế, ủy quyền đến hết ngày 15/7/2027). - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	- TTHC số 09 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 137 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
2.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (1.008930)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	Sở Tư pháp	- TTHC số 10 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 126 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
3.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại (1.008931)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	Sở Tư pháp	- TTHC số 11 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 124 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
4.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại (1.008932)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp (Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	- TTHC số 12 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày

		văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	của UBND thành phố Huế, ủy quyền đến hết ngày 15/7/2027). - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	23/3/2026; - TTHC số 138 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
5.	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (1.008933)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	Sở Tư pháp	- TTHC số 13 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 128 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
6.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (1.008934)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp (Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Huế, ủy quyền đến hết ngày 15/7/2027). - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	- TTHC số 14 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 131 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
7.	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (1.008935)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	Sở Tư pháp	- TTHC số 15 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 127 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
8.	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (1.008936)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp (Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Huế, ủy quyền đến hết ngày 15/7/2027). - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	- TTHC số 16 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 132 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.

9.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (1.008937)	Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên	Sở Tư pháp	- TTHC số 17 danh mục kèm theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23/3/2026; - TTHC số 123 Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 19/6/2026.
----	--	--	------------	--

Phụ lục III
QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG
TRONG LĨNH VỰC THỪA HÀNH VIÊN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

1. Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên (1.008921)

- Thời hạn giải quyết:
- + Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;
- + Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên của Sở Tư pháp.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
I. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP			
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	01 giờ làm việc
II. TẠI SỞ TƯ PHÁP			
Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>); - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>).	50 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	04 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, phê duyệt dự thảo văn bản kèm hồ sơ trình Chủ tịch	04 giờ làm việc

		UBND thành phố xem xét quyết định.	
Bước 5	Bộ phận Văn thư của Sở Tư pháp	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) liên thông lên UBND thành phố.	0,5 giờ làm việc
III. TẠI UBND THÀNH PHỐ HUẾ			
Bước 6	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND thành phố tại Trung tâm PVHCC thành phố	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP UBND thành phố xử lý.	01 giờ làm việc
Bước 7	Chuyên viên VP UBND thành phố	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo VP UBND thành phố kiểm tra, xác nhận kết quả hồ sơ.	10 giờ làm việc
Bước 8	Lãnh đạo VP UBND thành phố	Kiểm tra, phê duyệt ký xác nhận vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định; trường hợp từ chối thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	04 giờ làm việc
Bước 10	Bộ phận Văn thư VP UBND thành phố.	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả (bản giấy) cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ) và chuyển kết quả (bản điện tử) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	01 giờ làm việc
IV. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP			
Bước 11	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			80 giờ làm việc

2. Bổ nhiệm Thừa hành viên (1.008922)

- Thời hạn giải quyết:

+ Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
------------------	------------------------	--------------------	---------------------

I. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP			
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	02 giờ làm việc
II. TẠI SỞ TƯ PHÁP			
Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>); - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>).	100 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	08 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, phê duyệt dự thảo văn bản kèm hồ sơ trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định.	08 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận Văn thư của Sở Tư pháp	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) liên thông lên UBND thành phố.	01 giờ làm việc
III. TẠI UBND THÀNH PHỐ HUẾ			
Bước 6	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND thành phố tại Trung tâm PVHCC thành phố	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP UBND thành phố xử lý.	02 giờ làm việc
Bước 7	Chuyên viên VP UBND thành phố	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo VP UBND thành phố kiểm tra, xác nhận kết quả hồ sơ.	30 giờ làm việc
Bước 8	Lãnh đạo VP UBND thành phố	Kiểm tra, phê duyệt ký xác nhận vào hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định; trường hợp từ chối thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	08 giờ làm việc
Bước 10	Bộ phận Văn thư VP UBND thành phố.	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả (bản giấy) cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ	02 giờ làm việc

		hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ) và chuyển kết quả (bản điện tử) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	
IV. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP			
Bước 11	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	01 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			160 giờ làm việc

3. Miễn nhiệm Thừa hành viên (1.008923)

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân:

Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

+ Trường hợp bị miễn nhiệm:

Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP.

Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
I. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP			
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	02 giờ làm việc

II. TẠI SỞ TƯ PHÁP			
Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>); - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>).	- Trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân: 60 giờ làm việc - Trường hợp bị miễn nhiệm: 100 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	08 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, phê duyệt dự thảo văn bản kèm hồ sơ trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định.	08 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận Văn thư của Sở Tư pháp	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) liên thông lên UBND thành phố.	01 giờ làm việc
III. TẠI UBND THÀNH PHỐ HUẾ			
Bước 6	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND thành phố tại Trung tâm PVHCC thành phố	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP UBND thành phố xử lý.	02 giờ làm việc
Bước 7	Chuyên viên VP UBND thành phố	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo VP UBND thành phố kiểm tra, xác nhận kết quả hồ sơ.	30 giờ làm việc
Bước 8	Lãnh đạo VP UBND thành phố	Kiểm tra, phê duyệt ký xác nhận vào hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định; trường hợp từ chối thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	08 giờ làm việc
Bước 10	Bộ phận Văn thư VP UBND thành phố.	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (bản giấy) cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ) và chuyển kết quả (bản điện tử) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	02 giờ làm việc
IV. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP			
Bước 11	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	01 giờ làm việc

	công thành phố		
Tổng thời gian giải quyết TTHC trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân			120 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC trường hợp bị miễn nhiệm			160 giờ làm việc

4. Bổ nhiệm lại Thừa hành viên (1.008924)

- Thời hạn giải quyết:

+ Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp.

+ Thời gian xác minh không quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu xác minh; và không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm lại Thừa hành viên.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
I. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP			
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	02 giờ làm việc
II. TẠI SỞ TƯ PHÁP			
Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>); - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>).	100 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	08 giờ làm việc

Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, phê duyệt dự thảo văn bản kèm hồ sơ trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định.	08 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận Văn thư của Sở Tư pháp	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) liên thông lên UBND thành phố.	01 giờ làm việc

III. TẠI UBND THÀNH PHỐ HUẾ

Bước 6	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND thành phố tại Trung tâm PVHCC thành phố	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP UBND thành phố xử lý.	02 giờ làm việc
Bước 7	Chuyên viên VP UBND thành phố	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo VP UBND thành phố kiểm tra, xác nhận kết quả hồ sơ.	30 giờ làm việc
Bước 8	Lãnh đạo VP UBND thành phố	Kiểm tra, phê duyệt ký xác nhận vào hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định; trường hợp từ chối thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	08 giờ làm việc
Bước 10	Bộ phận Văn thư VP UBND thành phố.	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả (bản giấy) cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ) và chuyển kết quả (bản điện tử) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	02 giờ làm việc

IV. TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP

Bước 11	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	01 giờ làm việc
---------	--	---	-----------------

Tổng thời gian giải quyết TTHC (không bao gồm thời gian xác minh: không quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu xác minh; và không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm lại Thừa hành viên) **160 giờ làm việc**

5. Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên (1.008925)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá	01 giờ làm việc

	cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	
Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>). - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>)	08 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	01 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ.	01 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận Văn thư	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ).	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 giờ làm việc

6. Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên (1.008926)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử	01 giờ làm việc

		lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	
Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>). - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>)	04 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	01 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ.	01 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận Văn thư	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ).	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			8 giờ làm việc

7. Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên (1.008927)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho	01 giờ làm việc

		người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	
Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>). - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>)	14 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	02 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ.	02 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận Văn thư	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ).	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			20 giờ làm việc

8. Cấp lại Thẻ Thừa hành viên (1.008928)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp xử lý; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.	01 giờ làm việc

Bước 2	Công chức giải quyết hồ sơ	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết (<i>Dự thảo văn bản từ chối, nêu rõ lý do</i>). - Trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chuyển ngược về Bộ phận Một cửa (<i>kèm văn bản hướng dẫn, nêu rõ lý do, nội dung bổ sung...</i>)	08 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	01 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ.	01 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận Văn thư	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ).	0,5 giờ làm việc
Bước 6	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	0,5 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 giờ làm việc